



NGHỊ QUYẾT
Về Ứng dụng và phát triển Công nghệ thông tin
tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2007 – 2010

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH
KHÓA VII - KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân, ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP của Chính phủ, ngày 10 tháng 4 năm 2007 về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 246/2005/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến 2020;

Xét Tờ trình số 49/TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 29/BC-KTNS, ngày 9 tháng 7 năm 2007 của Ban Kinh tế và Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các vị Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua đề án Ứng dụng và phát triển Công nghệ thông tin tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2007 – 2010, với nội dung cụ thể sau:

1. Mục tiêu:

a) Mục tiêu chung.

- Đẩy nhanh ứng dụng và phát triển CNTT phù hợp với chiến lược quốc gia về CNTT và thực tiễn địa phương.
- Thúc đẩy phát triển và phổ cập dịch vụ và ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh, góp phần phát triển KT-XH, nâng cao đời sống nhân dân.
- Xác định những Dự án cần ưu tiên đầu tư tập trung để nhanh chóng phát huy hiệu quả.
- Cụ thể hóa quy hoạch và chiến lược phát triển CNTT và truyền thông Việt Nam.

b) Mục tiêu đến năm 2010:

- Xây dựng được mạng chuyên dụng của tỉnh. Công giao dịch điện tử. Sàn giao dịch thương mại điện tử.

- Tất cả các cơ quan Đảng của tỉnh, các Sở, ban, ngành của tỉnh và chính quyền cấp huyện đều được trang bị hệ thống mạng máy tính (LAN), được kết nối với mạng diện rộng của tỉnh, bước đầu hình thành “Tỉnh điện tử”.
- 80% các trao đổi thông tin, gửi/nhận văn bản giữa các cơ quan Đảng và chính quyền trong tỉnh được thực hiện thông qua mạng máy tính.
- Việc xử lý, giải quyết các công việc trong nội bộ và giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước được thực hiện theo các quá trình thông tin hoạt động trên mạng máy tính.
- Các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ tại các Sở, ban, ngành, huyện, thành phố được tin học hoá, thực hiện trên mạng máy tính.
- Hầu hết cán bộ công chức sử dụng thành thạo máy tính và khai thác thông tin trong công việc.
- Hình thành các mô hình cung cấp dịch vụ công theo cơ chế “một cửa điện tử” với sự hỗ trợ của CNTT và mạng máy tính.
- Hệ thống thông tin về dân cư, cán bộ công chức, tài nguyên, môi trường, và thống kê có thông tin cơ bản được cập nhập đầy đủ và cung cấp thường xuyên.
- 50% PTHH và PTCS được trang bị máy tính và kết nối Internet. 50% các bệnh viện tuyến tỉnh và tuyến huyện có ứng dụng mạng máy tính và kết nối Internet, có dịch vụ tư vấn, hỗ trợ khám chữa bệnh từ xa.
- 10% doanh nghiệp có website, 20-30% doanh nghiệp khai thác Internet, tra cứu thông tin hàng hoá qua mạng, 20% doanh nghiệp mua bán hàng hoá dịch vụ qua mạng.

2. Nhiệm vụ chủ yếu đến năm 2010:

a) Phát triển cơ sở hạ tầng CNTT và xây dựng mạng chuyên dụng của tỉnh.

- Hạ tầng CNTT: 100% các cơ quan quản lý nhà nước có mạng LAN, kết nối mạng WAN và mạng Internet tốc độ cao; 70% các cơ quan có hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý chuyên ngành, trên 50% các trường từ THCS trở lên, 50% các bệnh viện cấp tỉnh, huyện, thành phố đều có mạng LAN và kết nối Internet. Xây dựng và khai thác ứng dụng có hiệu quả trên 12 hệ thống CSDL trọng điểm. 100% số xã, phường, thị trấn trong tỉnh được kết nối Internet.
- Hình thành mạng chuyên dụng của tỉnh trên công nghệ truyền dẫn quang. Đảm bảo kết nối băng rộng cho mạng chuyên dụng của tỉnh đến tất cả các huyện, thành phố trong tỉnh. Tạo lập môi trường kết nối và giao tiếp giữa các cơ quan đơn vị trong tỉnh đồng thời đảm bảo cơ sở hạ tầng cho phát triển hệ thống các dịch vụ công cung cấp cho người dân và doanh nghiệp.

b) Phát triển nguồn nhân lực CNTT.

- Đáp ứng đủ nhu cầu nguồn nhân lực CNTT của tỉnh cả về chất lượng lẫn số lượng, để đẩy nhanh tiến trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh.

- Đến năm 2010: 80% cán bộ, công chức cấp huyện, thành phố và cấp tỉnh được đào tạo phổ cập CNTT; trên 60% cán bộ cấp xã phường được phổ cập CNTT. 100% các sở, ban, ngành, cơ quan Đảng có cán bộ chuyên trách CNTT.

- Đào tạo phổ cập CNTT cho đội ngũ cán bộ công chức trong toàn tỉnh, nâng cao hiểu biết về trình độ chuyên môn ứng dụng và khai thác CNTT đối với các cán bộ nòng cốt, đội ngũ lãnh đạo của các cơ quan, doanh nghiệp. Đào tạo, tập huấn nghiệp vụ, kỹ năng sử dụng và khai thác các hệ thống thông tin tác nghiệp, các công cụ giao tiếp trực tuyến, nghiệp vụ giao dịch thương mại điện tử cho đội ngũ lãnh đạo và cán bộ phụ trách. Đào tạo đội ngũ chuyên trách CNTT tại các cơ quan và các doanh nghiệp có trình độ chuyên sâu, nhằm đáp ứng tốt quá trình triển khai ứng dụng và khai thác CNTT.

c) Ứng dụng CNTT trong các cơ quan của Đảng, Đoàn thể.

- Trên 80% đơn vị tra cứu, khai thác, cập nhật được các văn bản quy phạm pháp luật qua mạng, triển khai ứng dụng đồng bộ các phần mềm dùng chung, các chương trình hỗ trợ quản lý và điều hành tác nghiệp.

- Khoảng 80% các cơ quan đơn vị thực hiện thành thạo việc trao đổi thông tin qua mạng với Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh theo yêu cầu được phân công. Trên 80% các cơ quan, cán bộ công chức làm việc trên máy tính đều có hộp thư điện tử để trao đổi thông tin qua mạng Internet.

d) Phát triển công nghiệp nội dung số.

Thành lập thêm một số các đơn vị cung cấp thiết bị phần cứng, máy tính và thiết kế mạng. Hiện nay, với điều kiện phát triển CNTT của Đắk Lắk chưa thể hình thành rõ nét ngành công nghiệp CNTT như công nghiệp phần cứng và công nghiệp phần mềm. Do vậy trong giai đoạn 2007 – 2010 không đầu tư cho lĩnh vực này, mà chỉ chú trọng đầu tư cho lĩnh vực công nghiệp nội dung và dịch vụ.

e) Đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

Để đảm bảo an toàn, an ninh trong quá trình ứng dụng, khai thác tài nguyên thông tin trong các cơ quan đơn vị cũng như mọi hoạt động giao dịch, giao tiếp trên mạng. Các cơ quan đơn vị phải tuân thủ hệ thống tiêu chuẩn quốc gia, hệ thống tiêu chuẩn, các phương pháp bảo mật và ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong tổ chức quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu, các mô hình mạng. Do đó cần đầu tư xây dựng một trung tâm an ninh mạng của tỉnh nhằm đảm bảo cho mọi hoạt động giao dịch được an toàn và tạo cơ sở cho phát triển bền vững.

g) Xây dựng cổng thông tin điện tử của tỉnh, xây dựng Trung tâm CNTT và Truyền thông thuộc Sở BCVT.

- Xây dựng và phát triển Cổng điện tử nhằm đáp ứng mọi nhu cầu giao dịch trao đổi thông tin giữa các cơ quan Đảng, chính quyền, các ngành, các cấp, các tổ chức, các doanh nghiệp và nhân dân.

- Thông qua Cổng điện tử, phát triển hệ thống dịch vụ công và giao dịch TMĐT.

- Đẩy mạnh các hoạt động giao dịch thông qua Cổng điện tử làm cơ sở cho việc xây dựng Chính quyền điện tử.



- Xây dựng Trung tâm CNTT và Truyền thông trực thuộc sở Bưu chính, Viễn thông nhằm thực hiện triển khai và phát triển các ứng dụng CNTT trên địa bàn.

h) Ứng dụng CNTT trong các Sở, ban, ngành của tỉnh.

- Đẩy mạnh tin học hoá các quy trình nghiệp vụ, các quy trình hành chính khắp trên địa bàn tỉnh, nhằm nâng cao hiệu quả công tác, rút ngắn khoảng cách, giảm độ chênh lệch trình độ giữa các khu vực nông thôn, miền núi và vùng sâu, vùng xa với thành thị.

- Xây dựng hệ thống các CSDL của các Sở, ban, ngành làm giàu tài nguyên hạ tầng thông tin của tỉnh chuẩn bị cho nền hành chính điện tử. Nâng cao tỷ lệ giao dịch, trao đổi thông tin qua mạng; đẩy nhanh tốc độ và nâng cao hiệu quả trong mọi hoạt động chỉ đạo, điều hành và tác nghiệp.

- Xây dựng và cung cấp hệ thống dịch vụ công đáp ứng nhu cầu trao đổi, giao tiếp, khai thác thông tin của người dân và doanh nghiệp. Mỗi Sở, ban, ngành, ngoài các phần mềm dùng chung đều có các ứng dụng CNTT và truyền thông vào tác nghiệp. Các Sở và UBND các huyện, thành phố đều có trang web riêng và được tích hợp với Cổng thông tin của tỉnh. Bước đầu hình thành hệ thống cung cấp các dịch vụ công và vận hành có hiệu quả. Đạt 100% cán bộ công chức dưới 50 tuổi phải biết sử dụng thành thạo máy tính và Internet cho công tác.

- Phổ cập tin học trong cộng đồng; giúp người dân biết, hiểu và tiếp cận với máy tính, Internet cũng như khai thác nguồn thông tin mà hệ thống các điểm văn hoá xã, các điểm truy cập Internet mang lại.

- Hình thành và phát triển Mạng thông tin giáo dục với hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ giáo dục liên tục được cập nhật, đảm bảo tất cả các trường thuộc mọi cấp được trang bị máy tính, được kết nối mạng LAN, mạng thông tin giáo dục và Internet. Nâng cao nhận thức, kỹ năng ứng dụng và khai thác CNTT của đội ngũ cán bộ, giáo viên trong ngành giáo dục. Nâng cao tỷ lệ học sinh phổ thông được học và biết ứng dụng CNTT.

- Hình thành và phát triển Mạng thông tin y tế phục vụ nhu cầu tra cứu, cập nhật thông tin, trao đổi và nghiên cứu của mọi đối tượng nhân dân cũng như cán bộ ngành y tế.

- Đảm bảo tất cả các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện được trang bị máy tính, có ứng dụng các hệ thống thông tin quản lý (quản lý dược, quản lý cán bộ, quản lý bệnh nhân,...), được kết nối mạng LAN, mạng thông tin y tế và Internet. Nâng cao nhận thức, kỹ năng ứng dụng và khai thác CNTT của đội ngũ cán bộ y tế.

i) Ứng dụng CNTT phục vụ sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, phát triển TMĐT.

CNTT được ứng dụng phổ biến trong các doanh nghiệp lớn, một bộ phận doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã. 100% doanh nghiệp đầu tư máy tính, ứng dụng các chương trình soạn thảo văn bản, quản lý tài chính và nhân sự. Trên 70% doanh nghiệp kết nối Internet, khai thác mạng thông tin trên mạng và hệ thống thư điện tử. Trên 20% doanh nghiệp có Website và khoảng 20% doanh nghiệp tham gia giao dịch TMĐT.

3. Tổng kinh phí thực hiện : 81.206 triệu đồng

Trong đó: - Ngân sách tỉnh : 78.906 triệu đồng
- Doanh nghiệp : 800 triệu đồng
- Tài trợ, hỗ trợ khác : 1.500 triệu đồng

4. Thời gian thực hiện: Từ năm 2007 đến năm 2010.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp.

Giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp giám sát việc triển khai thực hiện.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá VII, kỳ họp thứ 8 thông qua./.

Nơi nhận: *U. Trung*

- Như điều 2;
- UBTW Quốc hội;
- Chính Phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Bưu chính Viễn thông;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Báo Đắk Lắk; Đài PTTH tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT (220). **TK**

CHỦ TỊCH



Niê Thuật